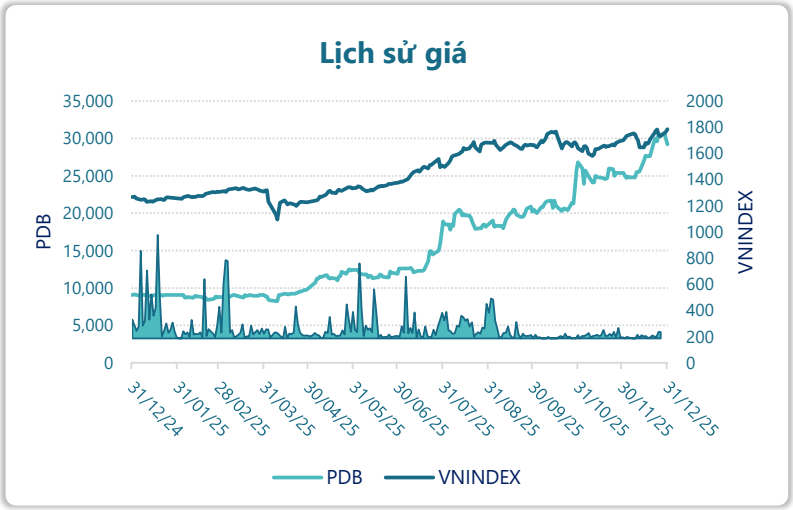
FireAnt

CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,251
SL cổ phiếu LH	8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,290
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	260
P/E	5.0
EPS	5,841

DT thuần

Q4/25

105

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0| -14.1%

YoY: ▲ 21.8| 25.9%

LN sau thuế

Q4/25

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.6| -50.9%

YoY: ▲ 12.5| 566%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.4%

+/- YoY: ▲ 9.9%

DT thuần

2025

426

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118| 38.3%

LN sau thuế

2025

52.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.6| 450%

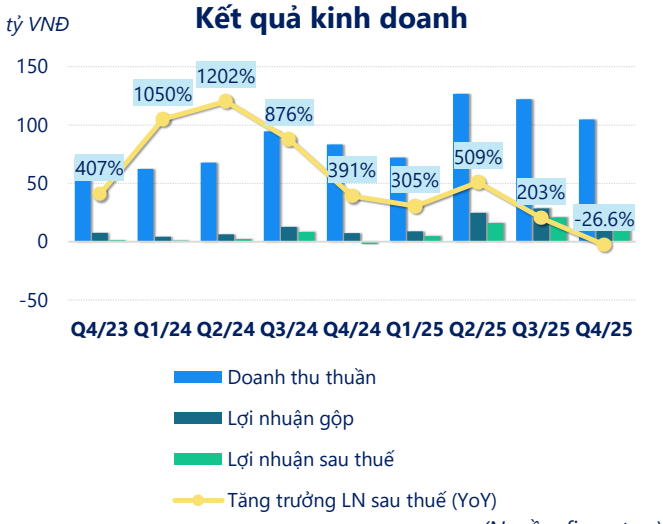
ROE

2025

34.2%

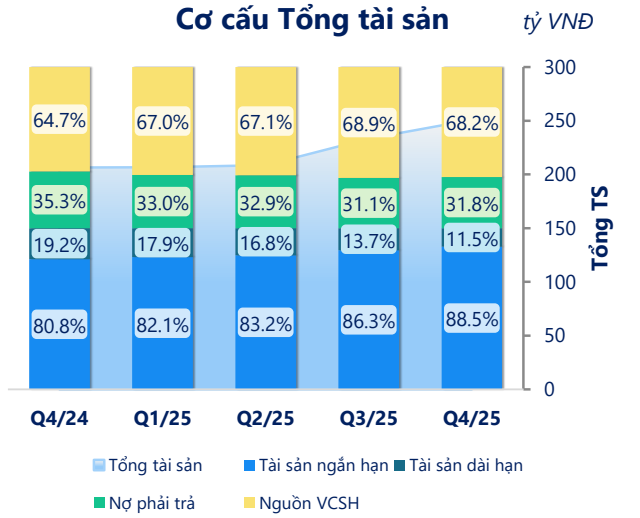
+/- YoY: ▲ 27.0%

Kết quả kinh doanh



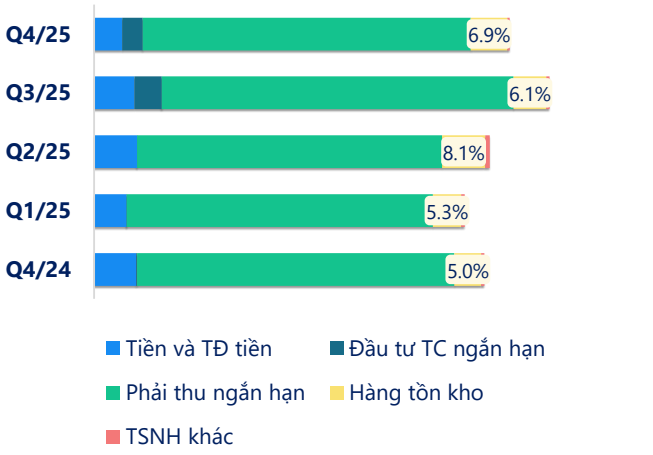
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



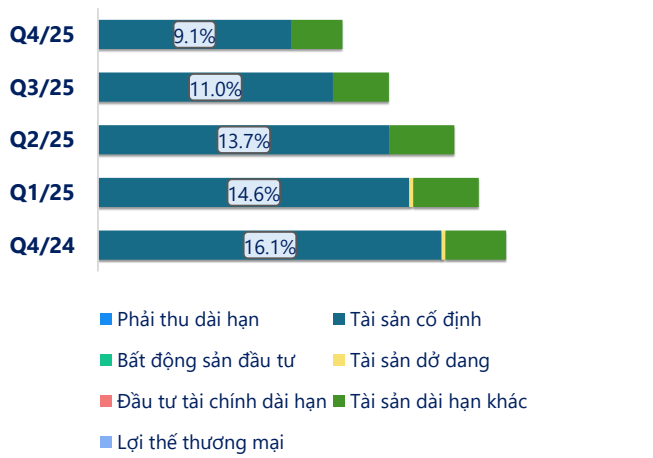
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



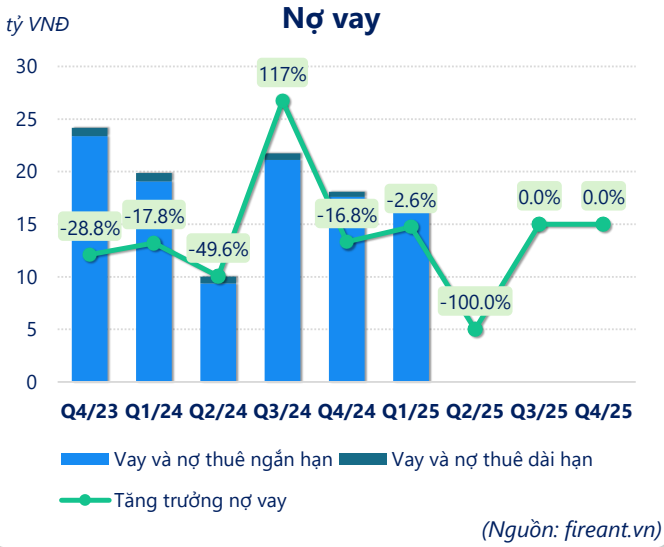
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



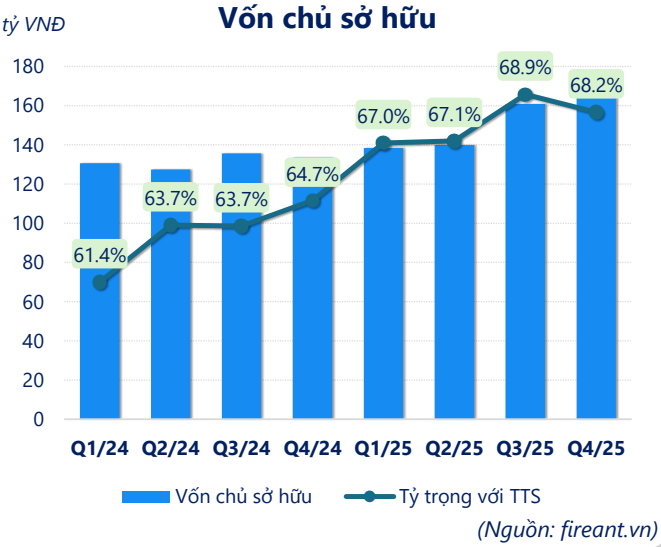
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



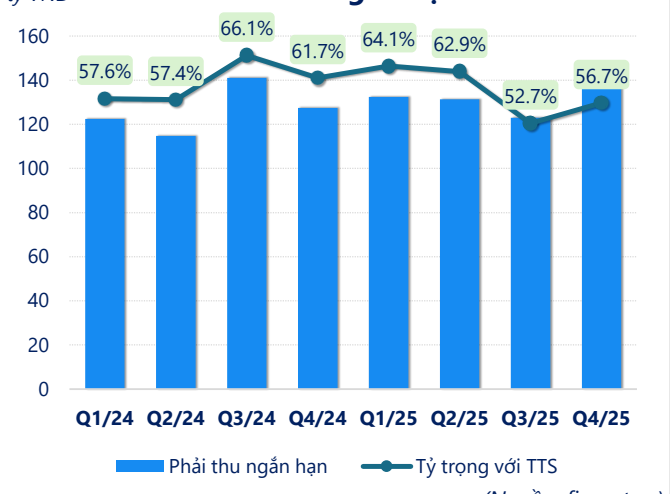
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



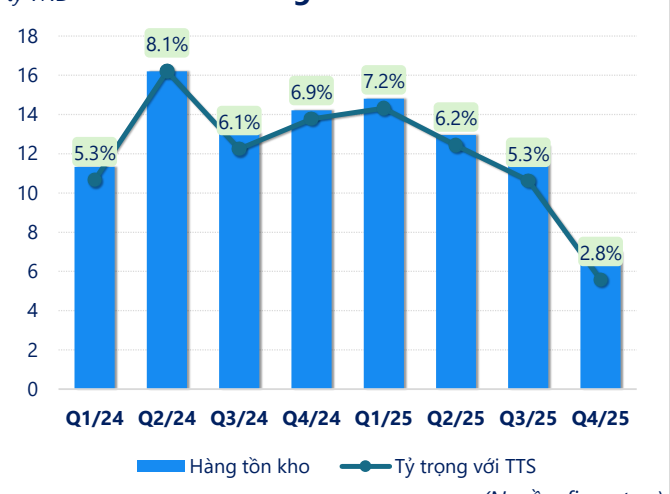
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



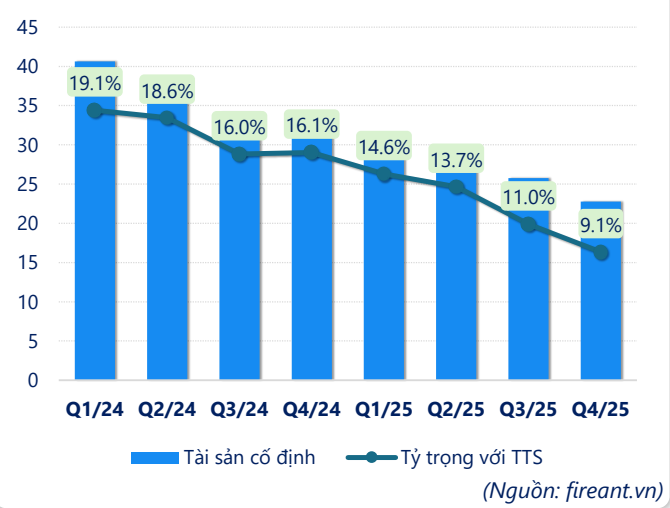
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



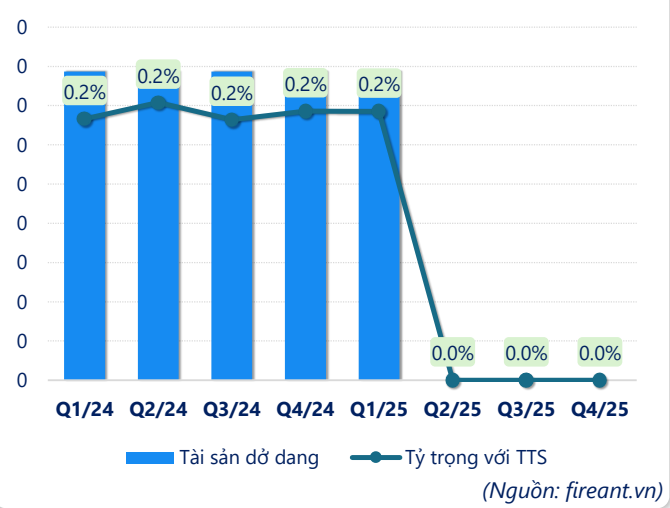
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



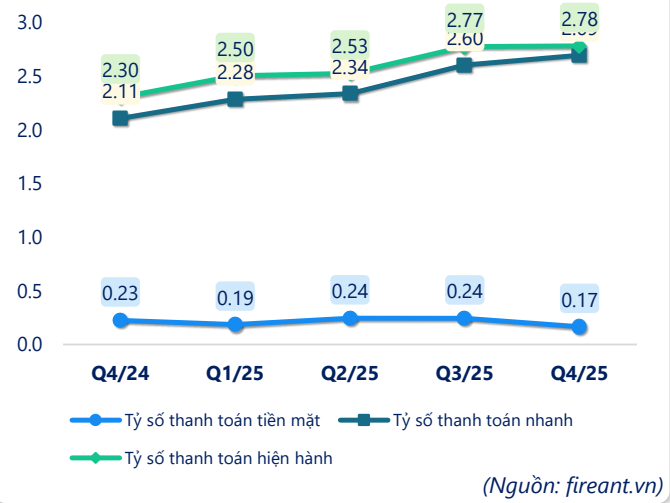
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



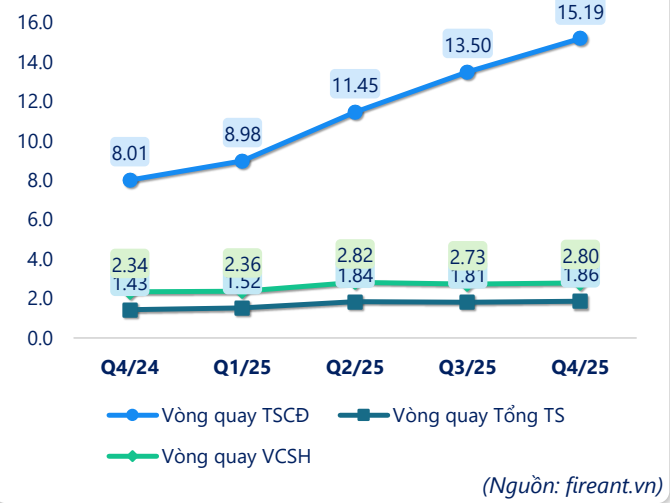
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**206**	**207**	**209**	**233**	**251**
Tài sản ngắn hạn	**167**	**170**	**174**	**201**	**222**
Tiền và tương đương tiền	16.3	12.6	16.8	17.7	13.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.01	8.51	11.5	47.5	58.9
Phải thu ngắn hạn	127	132	131	123	142
Hàng tồn kho	14.2	14.8	13.0	12.4	6.99
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	1.35	1.03	0.82	0.56
Tài sản dài hạn	**39.6**	**37.0**	**35.0**	**31.9**	**28.8**
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0	0	0
Tài sản cố định	33.3	30.2	28.6	25.8	22.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.39	0.39	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.88	6.37	6.37	6.17	6.05
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**72.9**	**68.3**	**68.7**	**72.6**	**79.8**
Nợ ngắn hạn	**72.4**	**67.8**	**68.7**	**72.6**	**79.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.6	17.1	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	45.9	45.4	53.9	54.8	49.3
Nợ dài hạn	0.47	0.47	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.47	0.47	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**133**	**138**	**140**	**161**	**171**
Vốn chủ sở hữu	**133**	**138**	**140**	**161**	**171**
Vốn điều lệ	89.1	89.1	89.1	89.1	89.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)